



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH**  
**BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM – PHÒNG KẾ HOẠCH KỸ THUẬT**

Số 02 Đường Trần Thủ Độ, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên

Tell: (+84) 02273 831 632

Website: [www.capnuocthaibinh.com](http://www.capnuocthaibinh.com)

Số phiếu kết quả: 02/KQXN.01.12.2025

**BÁO CÁO THỬ NGHIỆM**

**I. Thông tin mẫu:**

1. Tên mẫu: Nước sinh hoạt

2. Mã mẫu:

18.11.25.A5(M1): Vòi phát Xí nghiệp nước Tiên Hưng

18.11.25.A6(M2): GD Đào Văn Đương: Thôn Thần Khê, xã Tiên Hưng, tỉnh Hưng Yên

18.11.25.A7(M3): GD Trịnh Huy Kỳ: Thôn Duy Tân, xã Tiên Hưng, tỉnh Hưng Yên

3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai kín Thể tích mẫu: 1000ml

4. Nơi lấy mẫu: Xí nghiệp nước Tiên Hưng

5. Địa chỉ: Thôn Lộ Vị - Xã Tiên Hưng - Tỉnh Hưng Yên

6. Người gửi mẫu/Lấy mẫu: Trần Ngọc Nam

7. Ngày nhận mẫu: 18/11/2025

8. Thời gian thí nghiệm: 18/11/2025

**II. Kết quả phân tích:**

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT
			M1	M2	M3		
1.	Màu sắc (*)	Method 8025 (LoD= 1.13)	KPH	KPH	KPH	mg/L Pt-Co	15
2.	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	/	Không có mùi lạ
3.	pH (*)	TCVN 6492:2011	6.40	6.57	6.58	/	6.0 → 8.5
4.	Độ đục (*)	TCVN 12402-1:2020	0.12	0.184	0.206	NTU	2
5.	Clo dư (*)	Method 8021 (LoD= 0.05)	0.52	0.38	0.43	mg/L	0.2 → 1.0
6.	Sắt (Fe) (*)	Method 8008 (LoD= 0.012)	< 0.041	< 0.041	< 0.041	mg/L	0.3
7.	Mangan (Mn) (*)	Method 8149 (LoD= 0.006)	0.096	0.096	0.095	mg/L	0.1
8.	Độ cứng tổng (theo CaCO <sub>3</sub> ) (*)	TCVN 6224:1996 (LoD=8.02)	220	220	230	mg/L	300
9.	Hàm lượng Amoni (*)	Method 8038 (LoD= 0.02)	< 0.08	< 0.08	< 0.08	mg/L	1

Lưu ý: 1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu khách hàng gửi tới.

2. Không được sao chép từng phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của BPXN.

3. "\*" Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. "\*\*\*" Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

Q.15-F01, Rv01-01/08/2023





**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH**  
**BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM – PHÒNG KẾ HOẠCH KỸ THUẬT**

Số 02 Đường Trần Thủ Độ, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên

Tell: (+84) 02273 831 632

Website: www.capnuocthaibinh.com

Số phiếu kết quả: 02/KQXN.01.12.2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT
			M1	M2	M3		
10.	Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> tính theo N) (*)	Method 8507 (LoD= 0.0015)	< 0.0052	< 0.0052	0.006	mg/L	0.9
11	Hàm lượng Sulfate (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )*	Method 8051 (LoD= 1.22)	< 4.08	< 4.08	KPH	mg/L	250
12.	Chỉ số Pecmanganat (*)	TCVN 6186:1996 (LoD= 0.10)	0.84	1.35	1.26	mg/L	2
13.	Hàm lượng muối Clorua (*)	TCVN 6194:1996 (LoD= 1.20)	244.5	229.6	228.2	mg/L	250 hoặc 300
14.	Hàm lượng Asen (**)	SMEWW3114 B:2017	<0.65x10 <sup>-3</sup> 3(b)	<0.65x10 <sup>-3</sup> 3(b)	<0.65x10 <sup>-3</sup> 3(b)	mg/L	0.01

**2. Chỉ tiêu vi sinh:**

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCVN 01- 1:2024/BYT
			M1	M2	M3		
1.	Coliform (**)	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	CFU/100ml	< 1
2.	E.coli (**)	TCVN6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	CFU/100ml	< 1

**Ghi chú:** - KPH: Không phát hiện (Kết quả dưới mức LoD).

- LoD (b): Giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp thử.

- LoQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử.

- Giới hạn phát hiện của phương pháp thử E.coli, Coliform: LoD E.coli, Coliform : 01CFU/100ml

Hưng Yên, ngày 01 tháng 12 năm 2025

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG PHÒNG KH-KT**

**TRƯỞNG BP XÉT NGHIỆM**



Trần Văn Đức

Nguyễn Trung Kiên

Phùng Thị Thu Hà

**Lưu ý:** 1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu khách hàng gửi tới.

2. Không được sao chép từng phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của BPN.

3. "\*" Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. "\*\*\*" Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.